

Bản án số: 24/2018/DS-ST  
Ngày 29 tháng 5 năm 2018  
*Về việc “Tranh chấp hợp đồng  
góp hui”.*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH T**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà LÊ THỊ DUYÊN

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông VÕ QUANG TRUYỀN

2/ Bà ĐỖ THỊ MỸ HẠNH

**- Thư ký phiên tòa:** Bà LÊ THỊ HOÀNG YẾN - Thư ký Tòa án nhân dân huyện H.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh T tham gia phiên tòa:** Bà NGUYỄN THỊ HUỲNH NHƯ - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 381/2017/TLST-DS ngày 08 tháng 12 năm 2017 về “*Tranh chấp hợp đồng góp hui*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: **24/2018/QĐST-DS** ngày 16 tháng 4 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 19/2018/QĐST-DS ngày 10 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông **NGUYỄN MINH S (Sáu Sơn)**, sinh năm 1954 - (có mặt)

Địa chỉ: Số nhà 100/1<sup>A</sup>, Tổ 2, ấp Long Chí, xã Long Thành Trung, huyện H, tỉnh T.

- *Bị đơn:* Ông **NGUYỄN VĂN T**, sinh năm 1960 - (vắng mặt)

Địa chỉ: Số nhà 123/11<sup>A</sup>, Tổ 22<sup>B</sup>, ấp Long Thành, xã Long Thành Trung, huyện H, tỉnh T.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Bà **Võ Thị Lố**, sinh năm 1962 - (có đơn đề nghị xử vắng mặt)

+ Anh **Nguyễn T Tùng**, sinh năm 1993 - (có đơn đề nghị xử vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Số nhà 100/1<sup>A</sup>, Tổ 2, ấp Long Chí, xã Long Thành Trung, huyện H, tỉnh T.

+ Anh **Nguyễn T Lâm (Dương)**, sinh năm 1991 - (có đơn đề nghị xử vắng mặt)

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số nhà 100/1<sup>A</sup>, Tổ 2, ấp Long Chí, xã Long Thành Trung, huyện H, tỉnh T (đang chấp hành án tại Trại giam Cây Cây).

+ Bà **Mang Thị H**, sinh năm 1957 - (vắng mặt)

Địa chỉ: Số nhà 123/11<sup>A</sup>, Tổ 22<sup>B</sup>, ấp Long Thành, xã Long Thành Trung, huyện H, tỉnh T.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**Theo đơn khởi kiện ngày 01 tháng 12 năm 2017 và lời trình bày của ông Nguyễn Minh S thể hiện như sau:**

Do quen biết nhau nên ông S có tham gia chơi hụi do vợ chồng ông Nguyễn Văn T, bà Mang Thị H làm chủ, cụ thể như sau:

1/ Dây hụi mệnh giá 3.000.000 đồng, gồm 26 phần, mỗi tháng khai một lần, bắt đầu khai ngày 19/10/2010 âm lịch, ông S tham gia 01 phần, trong danh sách hụi viên ghi ở số thứ tự 18 tên “Sáu Lố” (Võ Thị Lố là tên của vợ ông S), đã đóng được 24 kỳ thành tiền là 72.000.000 đồng, ông T đã tự viết phía dưới danh sách hụi viên thừa nhận nợ ông S 72.000.000 đồng (bảy mươi hai triệu đồng).

2/ Dây hụi mệnh giá 500.000 đồng, gồm 27 phần, mỗi tháng khai một lần, bắt đầu khai ngày 03/7/2011 âm lịch, ông S tham gia 01 phần, đã đóng được 17 kỳ thành tiền là 8.500.000 đồng (tám triệu năm trăm nghìn đồng), ông T cũng thừa nhận khi chốt nợ với ông S, nhưng ông S đã làm mất danh sách hụi viên nên không có để giao nộp cho Tòa án.

3/ Dây hụi mệnh giá 500.000 đồng, gồm 32 phần, mỗi tháng khai hai lần vào ngày 06 và 21 âm lịch, bắt đầu khai ngày 06/01/2012 âm lịch, ông S tham gia 03 phần, trong danh sách hụi viên ghi ở số thứ tự 13, 14, 15 tên “Chị Sáu” và “Sáu Sơn” (là tên thường gọi của vợ chồng ông S), đã đóng được 20 kỳ, mỗi phần là 10.000.000 đồng x 3 phần = 30.000.000 đồng, ông T đã tự viết phía dưới danh sách hụi viên thừa nhận nợ ông S 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng).

4/ Dây hụi mệnh giá 5.000.000 đồng, gồm 22 phần, mỗi tháng khai một lần, bắt đầu khai ngày 04/02/2012 âm lịch, ông S tham gia 01 phần, trong danh sách hụi viên ghi ở số thứ tự 19 tên “Dương” (là tên thường gọi của con ông S, tên trong giấy tờ là Nguyễn T Lâm), đã đóng được 10 kỳ thành tiền là 50.000.000 đồng, ông T đã tự viết phía dưới danh sách hụi viên thừa nhận nợ ông S 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng).

5/ Dây hụi mệnh giá 500.000 đồng, gồm 32 phần, mỗi tháng khai 02 lần vào ngày 16 và 29 âm lịch, bắt đầu khai ngày 16/02/2012 âm lịch, ông S tham gia 01 phần, trong danh sách hụi viên ghi ở số thứ tự 25 tên “Tùng” (Nguyễn T Tùng là tên của con ông S), đã đóng được 18 kỳ thành tiền là 9.000.000 đồng, ông T đã tự viết phía dưới danh sách hụi viên thừa nhận nợ ông S 9.000.000 đồng (chín triệu đồng).

6/ Dây hụi mệnh giá 1.000.000 đồng, gồm 22 phần, mỗi tháng khai một lần, bắt đầu khai ngày 17/4/2012 âm lịch, ông S tham gia 01 phần, trong danh sách hụi viên ghi ở số thứ tự 11 là “Anh Sáu”, đã đóng được 06 kỳ thành tiền là 6.000.000 đồng, ông T đã tự viết phía dưới danh sách hụi viên thừa nhận nợ ông S 6.000.000 đồng (sáu triệu đồng).

Tổng cộng: 06 dây hụi ông T nợ ông S là 175.500.000 đồng (một trăm bảy mươi lăm triệu năm trăm nghìn đồng). **Trong tổng số tiền 175.500.000 đồng, ông S không xác định được số tiền gốc đã đóng cho ông T là bao nhiêu, vì cứ tới kỳ đóng hụi thì ông T đến nhà gom tiền nói bao nhiêu thì ông S đóng bấy nhiêu, không có ghi sổ theo dõi từng kỳ.**

Mỗi dây hụi ông T đều có giao danh sách hụi viên cho ông S để theo dõi, trong đó có ghi tên của Nguyễn T Lâm (Dương) và Nguyễn T Tùng là con chung của ông S và bà Lố,

nhưng thực tế Dương và Tùng không tham gia chơi hụi của ông T, tự ông T ghi tên hai người con của ông vào danh sách hụi viên, Dương và Tùng đều chưa có vợ, sống chung với vợ chồng ông, toàn bộ số tiền đóng hụi cho ông T đều là tiền của vợ chồng ông.

Khi ông S hốt phần hụi 3.000.000 đồng nhưng ông T không giao tiền hụi mà cứ hẹn dần, lúc đó ông T có hiện tượng sắp bị vỡ hụi nên ông S kêu ông T tính tiền nợ hụi cho ông, ông T kêu ông đưa danh sách hụi viên ra để ông T tính nợ, cùng ngày 13/02/2013 ông T viết cho ông “Giấy thiếu tiền hụi” thừa nhận còn nợ ông T ngoài 100.000.000 đồng, vì lúc đó các hụi viên ùn ùn kéo đến nhà ông T đòi nợ, nên ông T tranh thủ viết giấy này đưa cho ông, ông T có hứa bán nhà trả cho ông, lúc đó cũng có nhiều người đến đòi nợ nên ông không kịp kêu ông T sửa lại giấy nợ này. Sau khi viết giấy nợ cho ông, khoảng 3 - 4 ngày sau thì cả gia đình ông T bỏ nhà đi cho đến nay, ông không liên lạc được và cũng không biết địa chỉ của ông T hiện nay ở đâu.

Ngay sau khi cả nhà ông T bỏ trốn, ông cùng với các hụi viên khác khởi kiện ra Tòa, Tòa án cho rằng có dấu hiện hình sự nên kêu ông và các hụi viên khác tố cáo hành vi của vợ chồng ông T để Công an huyện H xử lý, ông có làm đơn tố cáo vợ chồng ông T gửi Công an huyện H nhưng Công an trả lời là tranh chấp dân sự hướng dẫn khởi kiện qua Tòa án nên chưa giải quyết được. Đến năm 2016 con của ông Nguyễn Văn T bán đất của gia đình ông T cho người khác nên ông tiếp tục khởi kiện ra Tòa án. Sau khi thụ lý, do ông T, bà H đã bỏ địa phương đi nên ông đã rút đơn. Đến năm 2017 sau khi biết tin Thi hành án đã bán nhà đất của vợ chồng ông T để thi hành án cho người khác còn dư tiền đang giữ ở Chi cục Thi hành án huyện H, nên nay ông tiếp tục khởi kiện.

Căn cứ vào giấy thiếu tiền hụi do ông Nguyễn Văn T viết và ký tên ngày 13/02/2013 nên ông S yêu cầu ông T trả số tiền hụi còn nợ tổng cộng là 175.500.000 đồng, không yêu cầu tính tiền lãi và cũng không yêu cầu bà Mang Thị H liên đới trả số tiền này.

***Tại biên bản lấy lời khai ngày 02/4/2018, bà Võ Thị Lố trình bày:***

Bà là vợ của ông Nguyễn Minh S, bà và ông S có 02 người con chung là Nguyễn T Lâm (Dương) và Nguyễn T Tùng. Anh Lâm và anh Tùng đều chưa có vợ nên còn sống chung với vợ chồng bà, không có tài sản riêng. Bà và ông S có tham gia 06 dây hụi do vợ chồng ông T, bà H làm chủ đúng như ông S trình bày. Toàn bộ số tiền đóng hụi là của ông bà, hiện ông T còn nợ vợ chồng bà tiền hụi tổng cộng là 175.500.000 đồng. Do ông T viết giấy nợ tiền hụi chỉ ghi tên của ông S, không ghi tên của bà nên bà đồng ý để cho ông S đứng đơn đại diện luôn cho bà để khởi kiện, vì đây là tài sản chung của vợ chồng, bà thông nhất theo ý kiến của ông S.

***Tại biên bản lấy lời khai ngày 13/4/2018, anh Nguyễn T Lâm (Dương) trình bày:***

Anh là con ruột của ông S và bà Lố, anh chấp hành án từ năm 2014 đến nay tại Phân trại 3 - Trại giam Cây Cầy, thuộc huyện Tân Biên, tỉnh T, anh chưa có vợ con, còn sống chung gia đình, phụ thuộc cha mẹ. Anh không tham gia chơi hụi do ông T, bà H làm chủ, chỉ có cha mẹ anh tham gia, tiền đóng hụi là của cha mẹ anh, anh cũng không biết việc ông T ghi tên anh trong danh sách hụi viên. Anh không tranh chấp về số tiền mà ông S, bà Lố đã đóng hụi cho ông T hiện ông S đang kiện đòi.

***Tại biên bản lấy lời khai ngày 28/3/2018, anh Nguyễn T Tùng trình bày:***

Anh là con ruột của ông S và bà Lố, chưa có vợ con, còn sống chung gia đình, phụ thuộc cha mẹ, không có tài sản riêng. Anh không tham gia chơi hụi do ông T, bà H làm chủ, chỉ có cha mẹ anh tham gia, tiền đóng hụi là của cha mẹ anh, anh cũng không biết việc ông

T ghi tên anh trong danh sách hội viên. Anh không tranh chấp về số tiền mà ông S, bà Lố đã đóng hội cho ông T hiện ông S đang kiện đòi.

Trong quá trình thu thập chứng, Tòa án nhiều lần triệu tập ông T, bà H để lấy lời khai, công khai chứng cứ, hòa giải nhưng không lần nào ông T, bà H đến nên không lấy được lời khai của ông T, bà H. Tại biên bản xác minh ông Đoàn Văn Trung - Trưởng Ban quản lý ấp Long Thành ngày 04/01/2018 thể hiện: Ông Nguyễn Văn T và bà Mang Thị H có đăng ký hộ khẩu thường trú tại số nhà 123/11<sup>A</sup>, Tổ 22<sup>B</sup>, ấp Long Thành, xã Long Thành Trung, huyện H, tỉnh T, do làm ăn thất bại, thiếu nợ nhiều người nên đã bỏ nhà đi từ năm 2014 đến nay, hiện ông T, bà H ở đâu địa phương không biết. Do ông T, bà H không có mặt ở địa phương nên Tòa án tổng đạt hợp lệ các giấy triệu tập, văn bản cho ông T, bà H bằng thủ tục niêm yết công khai để giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

**Tại phiên tòa**, ông S trình bày những dòng chữ chót nợ trên mỗi danh sách hội viên là do ông S tự viết để tính tiền nợ hội với ông T; dây hội mệnh giá 5.000.000 đồng, trung bình mỗi kỳ khai hốt hội là 1.500.000 đồng, góp 3.500.000 đồng; dây hội mệnh giá 3.000.000 đồng, trung bình mỗi kỳ khai hốt hội là 900.000 đồng, góp 2.100.000 đồng; dây hội mệnh giá 1.000.000 đồng, trung bình mỗi kỳ khai hốt hội là 300.000 đồng, góp 700.000 đồng; dây hội mệnh giá 500.000 đồng, trung bình mỗi kỳ khai hốt hội là 130.000 đồng, góp 370.000 đồng, ông T và bà H cùng làm chủ hội và cùng có gom tiền hội của ông. Ông S thay đổi yêu cầu khởi kiện, yêu cầu ông T và bà H cùng có nghĩa vụ trả cho ông số tiền hội gốc đã góp tổng cộng là 124.750.000 đồng và tính tiền lãi theo quy định của pháp luật 9%/năm từ ngày ông T làm giấy chót nợ tiền hội 13/02/2013 dương lịch cho đến nay. Bà Lố, anh Lâm, anh Tùng có đơn đề nghị xử vắng mặt; ông T và bà H vắng mặt không có lý do.

#### ***Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H:***

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

**Về quan điểm giải quyết vụ án:** đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông S, buộc ông T và bà H có nghĩa vụ trả cho ông S số tiền gốc 124.750.000 đồng và tiền lãi suất theo quy định của pháp luật tính từ ngày 13/02/2013 đến nay.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

#### ***[1] Về thủ tục tố tụng:***

Ông T, bà H là bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần để tham gia phiên tòa nhưng đều vắng mặt không có lý do; bà Lố, anh Lâm, anh Tùng là những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt ông T, bà H, bà Lố, anh Lâm và anh Tùng.

Bà Mang Thị H và ông Nguyễn Văn T đồng đứng tên chủ hội và đều có tham gia gom tiền hội của các hội viên, sau khi ông T, bà H bị vỡ hội thì chỉ có ông T viết giấy nợ tiền hội cho ông S, nên trong đơn khởi kiện ông S chỉ yêu cầu ông T trả nợ, nhưng trong Sổ theo dõi hội đều ghi thảo hội là Mang Thị H, Nguyễn Văn T, “Giấy thiếu tiền hội” ông T

viết là nợ tiền hụi do ông T và bà H cùng làm chủ, nên Tòa án đưa bà H vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

**[2] Về quan hệ tranh chấp:** Căn cứ vào giấy thiếu tiền hụi ngày 13/02/2013 do ông Nguyễn Văn T viết và ký tên thừa nhận còn nợ ông Nguyễn Minh S số tiền ngoài 100.000.000 đồng và các danh sách hụi viên do ông T, bà H làm chủ hụi do ông S cung cấp, sau khi bị vỡ hụi ông T, bà H đã bỏ địa phương đi nơi khác sinh sống không trả lại tiền cho ông S là vi phạm về nghĩa vụ T toán nên ông S khởi kiện. Do đó, xác định đây là quan hệ tranh chấp về hợp đồng góp hụi được quy định tại Điều 479 của Bộ luật dân sự năm 2005.

**[3] Về nội dung vụ án:** Căn cứ vào giấy thiếu tiền hụi ngày 13/02/2013 do ông Nguyễn Văn T viết và ký tên thừa nhận còn nợ ông Nguyễn Minh S số tiền ngoài 100.000.000 đồng. Tòa án cũng đã tiến hành niêm yết Thông báo công khai chứng cứ này nhưng ông T, bà H cũng không ai có ý kiến gì.

Tại biên bản xác minh bà Âu Kim Quyền, bà Tạ Thị Kim Sen, bà Nguyễn Mỹ Châu đều trình bày có cùng với ông S tham gia chơi hụi do ông T, bà H làm chủ, Trưởng Ban quản lý ấp Long Thành cũng xác nhận ông T, bà H tuyên bố vỡ hụi và bỏ nhà đi đâu không rõ từ khoảng tháng 02/2013 đến nay, sau khi ông T, bà H bỏ trốn khỏi địa phương còn nợ tiền hụi của nhiều người.

Ông S trình bày đã góp tiền hụi gốc như sau:

+ Hụi mệnh giá 5.000.000 đồng, trung bình mỗi kỳ khai hốt hụi là 1.500.000 đồng, góp 3.500.000 đồng x 10 kỳ thành tiền là 35.000.000 đồng;

+ Hụi mệnh giá 3.000.000 đồng, trung bình mỗi kỳ khai hốt hụi là 900.000 đồng, góp 2.100.000 đồng x 24 kỳ thành tiền là 50.400.000 đồng;

+ Hụi mệnh giá 1.000.000 đồng, trung bình mỗi kỳ khai hốt hụi là 300.000 đồng, góp 700.000 đồng x 06 kỳ thành tiền là 4.200.000 đồng;

+ Hụi mệnh giá 500.000 đồng, gồm 27 phần, ông S tham gia 01 phần, bắt đầu khai ngày 03/7/2011 âm lịch, trung bình mỗi kỳ khai hốt hụi là 130.000 đồng, góp 370.000 đồng x 17 kỳ thành tiền là 6.290.000 đồng;

+ Hụi mệnh giá 500.000 đồng, gồm 32 phần, ông S tham gia 03 phần, mỗi tháng khai hai lần vào ngày 06 và 21 âm lịch, bắt đầu khai ngày 06/01/2012 âm lịch, trung bình mỗi kỳ khai hốt hụi là 130.000 đồng, góp 370.000 đồng x 20 kỳ thành tiền là 7.400.000 đồng x 03 phần = 22.200.000 đồng;

+ Hụi mệnh giá 500.000 đồng, gồm 32 phần, ông S tham gia 01 phần, mỗi tháng khai 02 lần vào ngày 16 và 29 âm lịch, bắt đầu khai ngày 16/02/2012 âm lịch, trung bình mỗi kỳ khai hốt hụi là 130.000 đồng, góp 370.000 đồng x 18 kỳ thành tiền là 6.660.000 đồng.

Tổng cộng ông S đã góp tiền hụi gốc được 124.750.000 đồng, nên cần buộc ông T, bà H có nghĩa vụ trả cho ông S số tiền hụi gốc còn nợ 124.750.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật 9%/ năm tính từ ngày chốt nợ 13/02/2012 đến nay là có cơ sở chấp nhận, tiền lãi được tính như sau:

124.750.000 đồng x 0,75%/ tháng x 63 tháng 16 ngày (từ ngày 13/02/2012 DL đến ngày 29/5/2018 DL) = 59.443.000 đồng.

Tổng cộng tiền gốc và tiền lãi là 184.193.000 đồng (một trăm tám mươi bốn triệu một trăm chín mươi ba nghìn đồng).

Quan điểm về việc giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H là có cơ sở chấp nhận.

Ông T và bà H phải chịu 5% án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng Điều 479 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Nghị định số: 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án:

**1.** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Minh S đối với ông Nguyễn Văn T và bà Mang Thị H.

Buộc ông Nguyễn Văn T và bà Mang Thị H có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Minh S số tiền hui còn nợ gốc và lãi là 184.193.000 đồng (một trăm tám mươi bốn triệu một trăm chín mươi ba nghìn đồng).

*Kể từ ngày ông S có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông T, bà H không chịu trả số tiền trên thì hàng tháng ông T, bà H còn phải trả cho ông S số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015.*

**2.** Về án phí sơ thẩm dân sự: Ông Nguyễn Văn T phải chịu 9.210.000 đồng (chín triệu hai trăm mười nghìn đồng).

Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh T hoàn trả cho ông Nguyễn Minh S số tiền tạm ứng án phí đã nộp 4.387.500 đồng (bốn triệu ba trăm tám mươi bảy nghìn năm trăm đồng) theo biên lai thu số 0004881 ngày 08 tháng 12 năm 2017 và biên lai thu số 0019552 ngày 28 tháng 3 năm 2018.

*Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

Báo cho ông Nguyễn Minh S biết được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh T để xét xử phúc thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng những người vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ bản án được tổng đạt hợp lệ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh TN;
- VKSND tỉnh TN;
- VKSND huyện H;
- Chi cục THA DS huyện H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu trữ VP (D).

